

MỤC LỤC

HỆ THỐNG ĐỀ ÔN THI CUỐI HỌC KÌ I LỚP 5	TRANG	
	Đề	Đáp án
ĐỀ SỐ 1 (SGK CÁNH DIỀU)	3	16
ĐỀ SỐ 2 (SGK CÁNH DIỀU)	5	18
ĐỀ SỐ 3 (SGK KẾT NỐI TRI THỨC)	7	20
ĐỀ SỐ 4 (SGK KẾT NỐI TRI THỨC)	9	22
ĐỀ SỐ 5 (SGK CHÂN TRỜI SÁNG TẠO)	11	24
ĐỀ SỐ 6 (SGK CHÂN TRỜI SÁNG TẠO)	13	26



A. HỆ THỐNG ĐỀ ÔN THI



ĐỀ SỐ 1
SÁCH CÁNH DIỀU**ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**

Năm học: 2025 - 2026

Môn: Toán lớp 5

Thời gian làm bài: 40 phút

(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

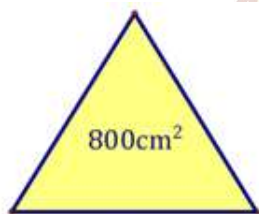
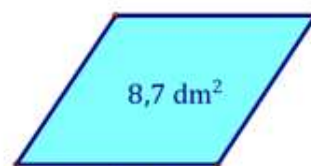
Hãy chọn phương án đúng hoặc thực hiện theo yêu cầu

Câu 1. Số thập phân gồm “hai mươi một đơn vị, năm phần trăm, ba phần nghìn” được viết là:

- A. 21,53 B. 21,053 C. 21,530 D. 210,53

Câu 2. Hỗn số $4\frac{9}{1000}$ được viết dưới dạng số thập phân là:

- A. 4,09 B. 4,99 C. 4,9 D. 4,009

Câu 3. Cho các tấm kính A, B, C, D. Tấm kính nào có diện tích lớn nhất?**Tấm A****Tấm B****Tấm C****Tấm D**

- A. Tấm kính A B. Tấm kính B C. Tấm kính C D. Tấm kính D

Câu 4. Phép tính nào dưới đây có cùng kết quả với phép tính $765,9 \times 0,001$?

- A. $76,59 : 0,01$ B. $0,7659 \times 100$ C. $76,59 : 100$ D. $7659 \times 0,01$

Câu 5. Lớp 5A có 33 học sinh, trong đó có 8 học sinh nữ. Tính tỉ số phần trăm số học sinh nữ so với số học sinh nam lớp 5A?

- A. 25% B. 8% C. 30% D. 32%

Câu 6. Một chặng đua xe đạp xuyên Việt có độ dài 210km. Vẽ trên bản đồ tỉ lệ 1 : 1 000 000, chặng đua đó dài:

- A. 21cm B. 2,1cm C. 12cm D. 10,5cm

Câu 7. Điền dấu “> ; < ; =” thích hợp vào chỗ chấm:302mm² 3dm²2mm²

3050kg 4 tấn 5 yến

Câu 8. Một cái bánh chưng cân nặng 0,6kg; một cái bánh tét cân nặng 0,8kg. Hỏi 8 cái bánh chưng và 2 cái bánh tét như vậy nặng tất cả bao nhiêu ki – lô – gam?

- A. 6,4kg B. 7,6kg C. 14kg D. 4,8kg

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. Đặt tính rồi tính:

- a) $605,16 + 247,64$ b) $95,64 - 27,35$ c) $25,14 \times 3,6$ d) $78,24 : 1,2$

Bài 2. Tính bằng cách thuận tiện:

- a) $5,26 + 8,85 + 1,15 + 4,74$ b) $20,25 \times 71,15 + 28,85 \times 20,25$

Bài 3. Người ta trồng lúa trên một thửa ruộng hình chữ nhật có chu vi 300m, chiều rộng ngắn hơn chiều dài 50m.

- a) Tính diện tích thửa ruộng đó?
b) Trung bình cứ $0,4\text{m}^2$ thu hoạch được 2,5kg thóc. Hỏi thửa ruộng thu hoạch được bao nhiêu tạ thóc?

Bài 4. Một tấm vải sau khi giặt xong bị co mất 2% so với chiều dài ban đầu. Trước khi giặt, tấm vải dài 24,5m. Hỏi sau khi giặt tấm vải dài bao nhiêu mét?

Trả lời:

ĐỀ SỐ 2

SÁCH CÁNH DIỀU

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

Năm học: 2025 - 2026

Môn: Toán lớp 5

Thời gian làm bài: 40 phút

(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

Hãy chọn phương án đúng hoặc thực hiện theo yêu cầu

Câu 1. Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

Số thập phân gồm “mười hai đơn vị, tám phần trăm, sáu phần nghìn” viết là:

Câu 2. Viết số thập phân 0,12 dưới dạng phân số thập phân ta được:

A. $\frac{12}{10}$

B. $\frac{12}{100}$

C. $\frac{12}{1000}$

D. $\frac{12}{10\,000}$

Câu 3. Tỷ số phần trăm của hai số 2 và 5 là:

A. 40%

B. 0,4%

C. 400%

D. 2,5%

Câu 4. Giá trị của chữ số x thỏa mãn: $35,169 > \frac{35x69}{1000}$ là:

A. $x = 0$

B. $x = 0; 1$

C. $x = 1$

D. $x = 2$

Câu 5. Số 0,05 phải chia cho số nào để được thương là 5?

A. 10

B. 0,1

C. 100

D. 0,01

Câu 6. Dãy số thập phân nào dưới đây được sắp xếp theo thứ tự từ bé đến lớn:

A. 0,07; 0,5; 0,14; 0,8

B. 0,5; 0,07; 0,14; 0,8

C. 0,07; 0,14; 0,5; 0,8

D. 0,14 ; 0,5 ; 0,8 ; 0,07

Câu 7. Kết quả của phép tính $30,6 \times 0,25$ là:

A. 6,92

B. 7,65

C. 8,71

D. 9,54

Câu 8. Mảnh vải đỏ dài 57,45m, mảnh vải xanh dài hơn mảnh vải đỏ 12,8m. Vậy cả hai mảnh vải dài số mét là:

A. 70,25 m

B. 83,05 m

C. 126,98 m

D. 127,7 m

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)**Bài 1.** Đặt tính rồi tính:

- a) $658,3 + 96,28$ b) $93,813 - 46,47$ c) $37,14 \times 82$ d) $3080 : 5,5$

Bài 2.

a) Tìm x biết: $x \times 0,01 + 3,2 = 6,8$.

b) Tính bằng cách thuận tiện: $0,432 + 459 \times 0,432 + 0,432 \times 540$

Bài 3. Một cửa hàng có 6 hộp bút chì như nhau, đựng tổng cộng 144 chiếc bút chì. Cửa hàng đã bán hết 4 hộp bút chì. Hỏi cửa hàng còn lại bao nhiêu chiếc bút chì?

Bài 4. Nhân dịp Tết đến Xuân về, một cửa hàng đã hạ giá 15% giá định bán đối với mọi hàng hóa nhưng cửa hàng đó vẫn lãi được 2% so với giá mua mỗi loại hàng hóa. Hỏi nếu không hạ giá thì cửa hàng đó lãi bao nhiêu phần trăm so với giá mua?

Trả lời:



ĐỀ SỐ 3

SÁCH KẾT NỐI TRI THỨC

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

Năm học: 2025 - 2026

Môn: Toán lớp 5

Thời gian làm bài: 40 phút

(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

Hãy chọn phương án đúng

Câu 1. Trong số thập phân 172,547 giá trị của chữ số 7 ở phần nguyên gấp bao nhiêu lần giá trị của chữ số 7 ở phần thập phân?

- A. 100 B. 1000 C. 10 000 D. 100 000

Câu 2. Tìm chữ số y , biết $5,789 < \overline{5,7y9}$.

- A. $y = 6$ B. $y = 7$ C. $y = 8$ D. $y = 9$

Câu 3. Làm tròn số 37,456 đến hàng phần mười ta được:

- A. 37,40 B. 37,46 C. 37,4 D. 37,5

Câu 4. Cho các số: 5,798; 5,897; 5,978; 5,879. Sắp xếp các số theo thứ tự từ lớn đến bé là:

- A. 5,798; 5,879; 5,897; 5,978. B. 5,978; 5,897; 5,879; 5,798.
C. 5,978; 5,879; 5,897; 5,798. D. 5,978; 5,897; 5,798; 5,979.

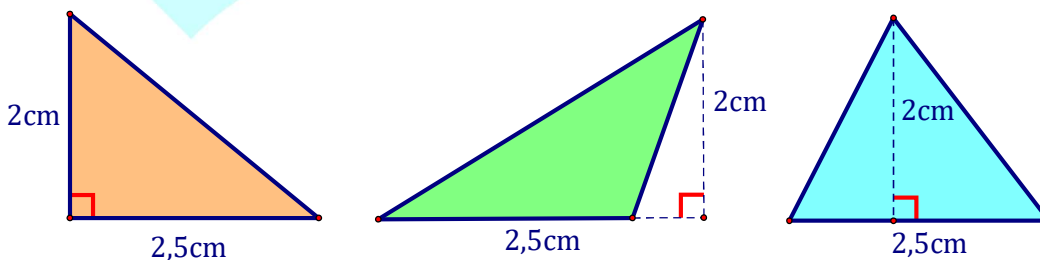
Câu 5. Có 168 lít dầu được chia đều vào 35 can. Hỏi 24 can dầu như thế có tất cả bao nhiêu lít dầu?

- A. 192 lít B. 112,5 lít C. 108 lít D. 115,2 lít

Câu 6. Diện tích của hình tròn có chu vi $C = 31,4\text{cm}$ là:

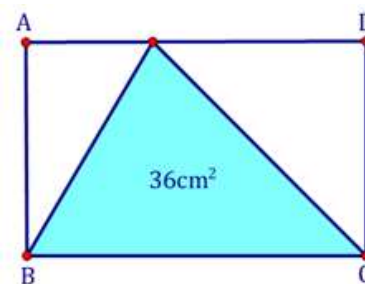
- A. $50,24\text{cm}^2$ B. $78,5\text{cm}^2$ C. $113,04\text{cm}^2$ D. $28,26\text{cm}^2$

Câu 7. Quan sát hình vẽ và lựa chọn phát biểu đúng:



- A. Hình 1 có diện tích lớn nhất. B. Hình 2 có diện tích lớn nhất.
C. Hình 3 có diện tích lớn nhất. D. Ba hình có diện tích bằng nhau.

Câu 8. Một tấm bìa hình chữ nhật ABCD có kích thước như hình vẽ bên. Biết diện tích phần tô màu trong hình là 36cm^2 . Tính diện tích hình chữ nhật ABCD.

A. 60cm^2 B. 54cm^2 C. 72cm^2 D. 84cm^2

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. Tính bằng cách thuận tiện:

a) $7,89 + 5,04 + 4,96$

b) $96,28 \times 3,527 + 3,72 \times 3,527$

c) $4,86 \times 0,25 \times 40$

Bài 2. Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

a) $7,68\text{m}^2 = \dots\dots\dots \text{cm}^2$

b) $8,02\text{km}^2 = \dots\dots\dots \text{ha}$

c) $3 \text{ tấn } 7 \text{ yến} = \dots\dots\dots \text{ tấn}$

d) $2\text{ha } 150\text{m}^2 = \dots\dots\dots \text{ ha}$

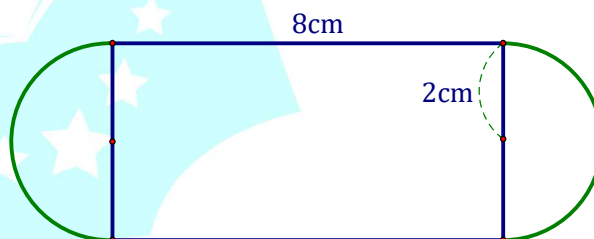
Bài 3. Một thửa ruộng hình tam giác có cạnh đáy là 50m và chiều cao tương ứng bằng $\frac{1}{2}$ độ dài

đáy. Trên thửa ruộng đó người ta trồng lúa, trung bình cứ 2 m^2 thu được 1,2 kg thóc.

a) Tính diện tích của thửa ruộng.

b) Nếu mỗi ki – lô – gam thóc có giá 14 200 đồng thì bán hết lượng thóc đó người ta thu được bao nhiêu tiền?

Bài 4. Tính chu vi và diện tích của hình dưới đây:



Trả lời:

ĐỀ SỐ 4

SÁCH KẾT NỐI TRI THỨC

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

Năm học: 2025 - 2026

Môn: Toán lớp 5

Thời gian làm bài: 40 phút

(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

Hãy chọn phương án đúng

Câu 1. Số thập phân 3,2 được viết dưới dạng hỗn số có chứa phân số thập phân là:

- A. $3\frac{1}{5}$ B. $\frac{32}{10}$ C. $3\frac{2}{10}$ D. $2\frac{3}{10}$

Câu 2. Cho các miếng bìa ghi các số: 17; 999; 439; 1000; 7. Lấy hai miếng bìa trong số các miếng bìa trên lập thành phân số. Khi đó, có thể lập được bao nhiêu phân số thập phân?

- A. 1 B. 2 C. 4 D. 5

Câu 3. Số thập phân thích hợp điền vào chỗ chấm để $17,435 \text{ km} + 818 \text{ m} = \dots\dots\dots \text{ km}$ là:

- A. 18,253 B. 25,615 C. 31,726 D. 774,325

Câu 4. Một hình tam giác vuông có tích độ dài hai cạnh góc vuông là 48 cm^2 . Diện tích hình tam giác đó là:

- A. 48 cm^2 B. 12 cm^2 C. 96 cm^2 D. 24 cm^2

Câu 5. Giá trị chữ số 9 trong số thập phân 75,1849 là:

- A. $\frac{9}{1\,000}$ B. $\frac{9}{10}$ C. $\frac{9}{100}$ D. $\frac{9}{10\,000}$

Câu 6. Kết quả của phép tính $3 + \frac{2}{5}$ là:

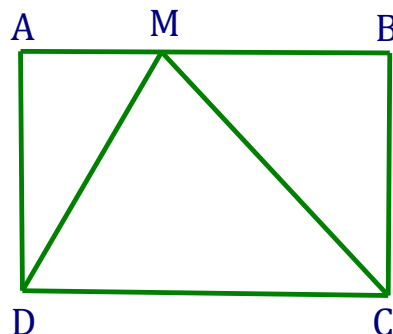
- A. $\frac{5}{5}$ B. $\frac{17}{5}$ C. $\frac{15}{5}$ D. $\frac{11}{5}$

Câu 7. Một thanh sắt dài 1,2 m cân nặng 24 kg. Hỏi một thanh sắt cùng loại dài 1,8 m thì cân nặng bao nhiêu ki-lô-gam?

- A. 30 kg. B. 32 kg. C. 36 kg. D. 38 kg.

Câu 8. Cho hình chữ nhật ABCD có chiều dài 6 cm, chiều rộng 4 cm (như hình vẽ). Diện tích hình tam giác MDC bên trong hình chữ nhật là:

- A. 24 cm^2 . B. 5 cm^2 .
C. 12 cm^2 . D. 10 cm^2 .



II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)**Bài 1.** Đặt tính rồi tính:

a) $54,3 + 21,97$

b) $702,4 - 96,08$

c) $2,54 \times 8,5$

d) $373,8 : 3,5$

Bài 2.

a) Tìm x biết: $2,5 : x + 9,9 = 10$.

b) Tính bằng cách thuận tiện: $2,023 \times 451 + 550 \times 2,023 - 2,023$

Bài 3. Một miếng đất hình thang có diện tích là $5,22 \text{ m}^2$, có chiều cao 18 dm, đáy nhỏ bằng 26 dm. Hỏi đáy lớn của miếng đất dài bao nhiêu mét?

Bài 4. Bánh xe bé của một máy kéo có bán kính 0,5 m, bánh xe lớn của máy kéo đó có bán kính 1 m. Hỏi khi bánh xe bé lăn được 10 vòng thì bánh xe lớn lăn được mấy vòng?

Trả lời:



ĐỀ SỐ 5

SÁCH CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

Năm học: 2025 - 2026

Môn: Toán lớp 5

Thời gian làm bài: 40 phút

(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

Hãy chọn phương án đúng

Câu 1. Một lớp học có 48 học sinh, trong đó có 20 học sinh nam. Tỷ số số học sinh nam so với số học sinh nữ là:

A. $\frac{5}{12}$

B. $\frac{7}{5}$

C. $\frac{5}{7}$

D. $\frac{7}{12}$

Câu 2. Chuyển phân số $\frac{47}{15}$ thành hỗn số ta được:

A. $3\frac{2}{15}$

B. $2\frac{3}{15}$

C. $2\frac{15}{3}$

D. $4\frac{7}{15}$

Câu 3. Hiệu của hai số là 21. Tỷ số của hai số là $\frac{2}{5}$. Tổng của 2 số đó là:

A. 49

B. 30

C. 35

D. 42

Câu 4. Một can chứa 10 lít dầu. Lần thứ nhất người ta lấy ra 1,25 lít dầu, lần thứ hai người ta lấy ra 0,65 lít dầu. Vậy sau hai lần lấy, trong can còn lại số lít dầu là:

A. 11,9 lít

B. 7,1 lít

C. 8,1 lít

D. 8,15 lít

Câu 5. Số thích hợp điền vào chỗ chấm: $3ha45m^2 = \dots m^2$ là:

A. 345

B. 30 045

C. 3045

D. 3450

Câu 6. Trên một tấm bản đồ, khoảng cách giữa hai điểm A và B là 15cm. Khoảng cách này trên thực tế là 300km. Hỏi bản đồ này được vẽ theo tỷ lệ nào?

A. 1 : 20 000

B. 1 : 200 000

C. 1 : 20 000 000

D. 1 : 2 000 000

Câu 7. Tính diện tích của hình tròn có đường kính là 50dm.

A. $19,625m^2$

B. $196,25m^2$

C. $78,5m^2$

D. $785m^2$

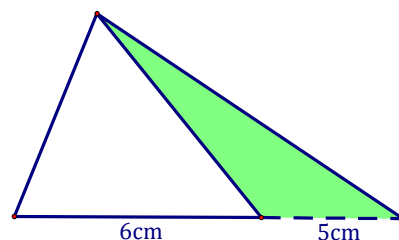
Câu 8. Cho tam giác có diện tích $72cm^2$, cạnh đáy bằng 6cm. Nếu kéo dài cạnh đáy thêm 5cm thì diện tích hình tam giác sau khi mở rộng là bao nhiêu?

A. $60cm^2$

B. $66cm^2$

C. $120cm^2$

D. $132cm^2$



II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)**Bài 1.**

a) Tính bằng cách thuận tiện: $20,25 \times 98,01 + 20,25 \times 1,99$

b) Tìm y, biết: $y + 1,87 = 50,5 : 2,5$

Bài 2. Điền dấu “ > ; < ; = ” thích hợp vào chỗ chấm:

a) $18,9 \times 0,01$ $18,9 : 100$

c) $35 \times 0,01$ $0,035 \times 100$

b) $245,86 \times 10$ $2,4586 : 0,001$

d) $9,78 : 0,001$ $97,8 : 100$

Bài 3. Cô Lan trồng hoa trên một mảnh đất hình thang vuông có đáy lớn bằng 160m và chiều cao bằng 30m. Nếu mở rộng mảnh đất thành mảnh đất hình chữ nhật mà vẫn giữ nguyên đáy lớn thì diện tích mảnh đất tăng thêm $600m^2$.

a) Tính diện tích mảnh đất khi chưa mở rộng.

b) Cô Lan bán được bao nhiêu tiền hoa trên mảnh đất hình thang vuông, biết rằng trung bình mỗi héc-ta hoa bán được 140 000 000 đồng.

Bài 4. Thửa ruộng nhà ông An hình vuông. Trên bản đồ địa chính của xã vẽ theo tỉ lệ 1 : 2 000, ông tính được chu vi là 8cm. Hỏi trên thực tế diện tích thửa ruộng nhà ông An rộng bao nhiêu mét vuông?

Trả lời:

ĐỀ SỐ 6

SÁCH CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

Năm học: 2025 - 2026

Môn: Toán lớp 5

Thời gian làm bài: 40 phút

(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

Hãy chọn phương án đúng hoặc thực hiện theo yêu cầu

Câu 1. Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

Số gồm “2 triệu, 5 trăm nghìn, 8 nghìn, 6 trăm, 3 chục, 9 đơn vị” được viết là:

Câu 2. Số đo độ dài nào sau đây là lớn nhất?

A. 7,3 m

B. 730 dm

C. 0,73 km

D. 7 300 cm

Câu 3. Trong bài kiểm tra cuối kì môn thể dục, lớp 5A mỗi bạn ném tối đa 10 quả bóng vào rổ.

Trung ném trượt 3 quả và vào 7 quả. Tỷ số của số lần xảy ra sự kiện ném trượt và tổng số lần ném của Trung là:

A. $\frac{3}{7}$

B. $\frac{3}{10}$

C. $\frac{10}{7}$

D. $\frac{7}{3}$

Câu 4. Phần phân số của hỗn số $4\frac{7}{15}$ là:

A. $\frac{4}{15}$

B. $\frac{15}{7}$

C. $\frac{15}{4}$

D. $\frac{7}{15}$

Câu 5. Quãng đường từ thành phố Hà Nội đến Nghệ An khoảng 280 km, thể hiện trên bản đồ với tỉ lệ 1 : 4 000 000 thì ứng với độ dài:

A. 70 mm

B. 70 cm

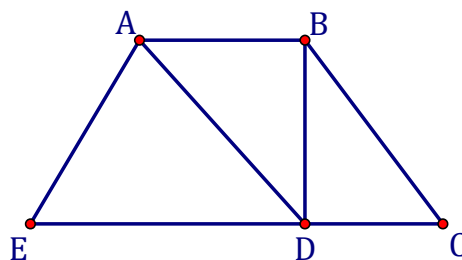
C. 70 dm

D. 70 m

Câu 6. Điền dấu “> ; < ; =” thích hợp vào chỗ chấm:

$$60 + 40,5 \times 2 \dots\dots 50 \times 2,28$$

Câu 7. Trong hình vẽ dưới đây có tất cả:



- A.** 1 hình thang vuông **B.** 2 hình thang vuông
C. 3 hình thang vuông **D.** 4 hình thang vuông

Câu 8. Người ta dùng loại gạch men hình vuông có cạnh 50 cm để lát nền một phòng học hình chữ nhật có chiều dài 8 m, chiều rộng 6 m. Hỏi cần bao nhiêu viên gạch men loại đó để vừa đủ lát kín nền phòng học? (Diện tích phần mạch vữa không đáng kể)

- A. 20 viên** **B. 192 viên** **C. 1 920 viên** **D. 182 viên**

II. TƯ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

25 tấn 68 kg = tấn

7l 620 ml = l

70 548 ha = km²

9 m 3 dm = m

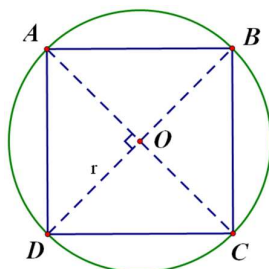
Bài 2. Ghép nối:

Diện tích hình tam giác có độ dài đáy là 12 cm, và chiều cao là 5 cm
Diện tích hình tam giác có độ dài đáy là 15 cm, chiều cao là 7 cm
Diện tích hình tam giác có độ dài đáy là 14 cm, chiều cao là 10 cm

52,5 cm ²
30 cm ²
70 cm ²

Bài 3. Một sân vận động hình chữ nhật có chu vi 258 m, chiều rộng bằng $\frac{1}{2}$ chiều dài. Tính diện tích sân vận động đó.

Bài 4. Diện tích hình vuông ABCD là 8 cm^2 . Tính diện tích hình tròn.



Trả lời:

B. HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT



ĐỀ SỐ 1

SÁCH CÁNH DIỀU

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

Năm học: 2025 - 2026

Môn: Toán lớp 5

Thời gian làm bài: 40 phút

(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

Mỗi câu trả lời đúng được 0,5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	8
Đáp án	B	D	D	C	D	A	A

Câu 7: $302\text{mm}^2 < 3\text{dm}^2 2\text{mm}^2$

$3050\text{kg} < 4 \text{ tấn } 5 \text{ yến}$

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. (2 điểm) Đặt tính rồi tính:

a) $605,16 + 247,64$

b) $95,64 - 27,35$

c) $25,14 \times 3,6$

d) $78,24 : 1,2$

Lời giải

a) $605,16 + 247,64 = 852,8$

b) $95,64 - 27,35 = 68,29$

c) $25,14 \times 3,6 = 90,504$

d) $78,24 : 1,2 = 65,2$

(HS tự đặt tính rồi tính)

Bài 2. (1,5 điểm) Tính bằng cách thuận tiện:

a) $5,26 + 8,85 + 1,15 + 4,74$.

b) $20,25 \times 71,15 + 28,85 \times 20,25$

Lời giải

a) $5,26 + 8,85 + 1,15 + 4,74$.

$= (5,26 + 4,74) + (8,85 + 1,15)$

$= 10 + 10$

$= 20$

b) $20,25 \times 71,15 + 28,85 \times 20,25$

$= 20,25 \times (71,15 + 28,85)$

$= 20,25 \times 100$

$= 2025$

Bài 3. (2 điểm) Người ta trồng lúa trên một thửa ruộng hình chữ nhật có chu vi 300m, chiều rộng ngắn hơn chiều dài 50m.

a) Tính diện tích thửa ruộng đó?

b) Trung bình cứ $0,4\text{m}^2$ thu hoạch được 2,5kg thóc. Hỏi thửa ruộng thu hoạch được bao nhiêu tạ thóc?

Lời giải

a) Nửa chu vi của thửa ruộng hình chữ nhật là: $300 : 2 = 150 \text{ (m)}$

Chiều rộng của thửa ruộng hình chữ nhật là: $(150 - 50) : 2 = 50 \text{ (m)}$

Chiều dài của thửa ruộng hình chữ nhật là: $150 - 50 = 100 \text{ (m)}$

Diện tích của thửa ruộng hình chữ nhật là: $100 \times 50 = 5\,000 \text{ (m}^2\text{)}$

b) Thửa ruộng thu hoạch được: $5\,000 : 0,4 \times 2,5 = 31\,250 \text{ (kg)}$

Đổi: $31\,250\text{kg} = 312,5 \text{ tạ}$

Đáp số: a) $5\,000\text{m}^2$

b) 312,5 tạ thóc

Bài 4. (0,5 điểm) Một tấm vải sau khi giặt xong bị co mất 2% so với chiều dài ban đầu. Trước khi giặt, tấm vải dài 24,5m. Hỏi sau khi giặt tấm vải dài bao nhiêu mét?

Trả lời:

Lời giải

Trả lời: Chiều dài tấm vải sau khi giặt là: **24,01m**

Chiều dài tấm vải sau khi giặt chiếm: $100\% - 2\% = 98\%$ (chiều dài tấm vải ban đầu)

Chiều dài tấm vải sau khi giặt là: $24,5 \times 98\% = 24,01 \text{ (m)}$

ĐỀ SỐ 2

SÁCH CÁNH DIỀU

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

Năm học: 2025 - 2026

Môn: Toán lớp 5

Thời gian làm bài: 40 phút

(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

Mỗi câu đúng được 0,5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	12,086	B	A	A	D	C	B	D

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. (2 điểm) Đặt tính rồi tính:

- a) $658,3 + 96,28$ b) $93,813 - 46,47$ c) $37,14 \times 82$ d) $3080 : 5,5$

Lời giải

a) $658,3 + 96,28 = 754,58.$

b) $93,813 - 46,47 = 47,343.$

c) $37,14 \times 82 = 3045,48.$

d) $3080 : 5,5 = 560.$

(HS tự đặt tính rồi tính)

Bài 2. (1,5 điểm) a) Tìm x biết: $x \times 0,01 + 3,2 = 6,8$.

b) Tính bằng cách thuận tiện: $0,432 + 459 \times 0,432 + 0,432 \times 540$

Lời giải

a) $x \times 0,01 + 3,2 = 6,8$

$x \times 0,01 = 6,8 - 3,2$

$x \times 0,01 = 3,6$

$x = 3,6 : 0,01$

$x = 360.$

b) $0,432 + 459 \times 0,432 + 0,432 \times 540$

$= 0,432 \times (1 + 459 + 540)$

$= 0,432 \times 1000$

$= 432.$

Bài 3. (2 điểm) Một cửa hàng có 6 hộp bút chì như nhau, đựng tổng cộng 144 chiếc bút chì. Cửa hàng đã bán hết 4 hộp bút chì. Hỏi cửa hàng còn lại bao nhiêu chiếc bút chì?

Lời giải

Mỗi hộp bút chì đựng số chiếc bút chì là: $144 : 6 = 24$ (chiếc)

Cửa hàng đã bán số chiếc bút chì là: $24 \times 4 = 96$ (chiếc)

Cửa hàng còn lại số chiếc bút chì là: $144 - 96 = 48$ (chiếc)

Đáp số: 48 chiếc bút chì

Bài 4. (0,5 điểm) Nhân dịp Tết đến Xuân về, một cửa hàng đã hạ giá 15% giá định bán đối với mọi hàng hóa nhưng cửa hàng đó vẫn lãi được 2% so với giá mua mỗi loại hàng hóa. Hỏi nếu không hạ giá thì cửa hàng đó lãi bao nhiêu phần trăm so với giá mua?

Trả lời:

Lời giải

Trả lời: Nếu không hạ giá thì cửa hàng đó lãi 20% so với giá mua.

(Ta có:

Sau khi hạ giá, giá bán của mỗi loại hàng hóa bằng: $100\% - 15\% = 85\%$ (giá định bán)

Giá bán của mỗi loại hàng hóa bằng: $100\% + 2\% = 102\%$ (giá mua)

Giá định bán của mỗi loại hàng hóa bằng: $102\% : 85\% = 1,2 = 120\%$ (giá mua)

Nếu không hạ giá cửa hàng lãi số phần trăm so với giá mua là: $120\% - 100\% = 20\%$ (giá mua)).

ĐỀ SỐ 3

SÁCH KẾT NỐI TRI THỨC

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

Năm học: 2025 - 2026

Môn: Toán lớp 5

Thời gian làm bài: 40 phút

(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

Mỗi câu đúng được 0,5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	C	D	D	B	D	B	D	C

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. (1,5 điểm) Tính bằng cách thuận tiện:

a) $7,89 + 5,04 + 4,96$

b) $96,28 \times 3,527 + 3,72 \times 3,527$

c) $4,86 \times 0,25 \times 40$

Lời giải

$\begin{aligned} & \text{a) } 7,89 + 5,04 + 4,96 \\ &= 7,89 + (5,04 + 4,96) \\ &= 7,89 + 10 \\ &= 17,89 \end{aligned}$	$\begin{aligned} & \text{b) } 96,28 \times 3,527 + 3,72 \times 3,527 \\ &= 3,527 \times (96,28 + 3,72) \\ &= 3,527 \times 100 \\ &= 352,7 \end{aligned}$	$\begin{aligned} & \text{c) } 4,86 \times 0,25 \times 40 \\ &= 4,86 \times (0,25 \times 40) \\ &= 4,86 \times 10 \\ &= 48,6 \end{aligned}$
--	--	--

Bài 2. (2 điểm) Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

a) $7,68\text{m}^2 = \dots\dots\dots\text{cm}^2$

b) $8,02\text{km}^2 = \dots\dots\dots\text{ha}$

c) 3 tấn 7 yến = $\dots\dots\dots$ tấn

d) $2\text{ha } 150\text{m}^2 = \dots\dots\dots\text{ha}$

Lời giải

a) $7,68\text{m}^2 = \mathbf{76\ 800\ cm}^2$

b) $8,02\text{km}^2 = \mathbf{802\ ha}$

c) 3 tấn 7 yến = $\mathbf{3,07}$ tấn

d) $2\text{ha } 150\text{m}^2 = \mathbf{2,015\ ha}$

Bài 3. (2 điểm) Một thửa ruộng hình tam giác có cạnh đáy là 50m và chiều cao tương ứng bằng $\frac{1}{2}$ độ dài đáy. Trên thửa ruộng đó người ta trồng lúa, trung bình cứ 2 m² thu được 1,2 kg thóc.

a) Tính diện tích của thửa ruộng.

b) Nếu mỗi ki – lô – gam thóc có giá 14 200 đồng thì bán hết lượng thóc đó người ta thu được bao nhiêu tiền?

Lời giải

a) Chiều cao của thửa ruộng là: $50 : 2 = 25$ (m).

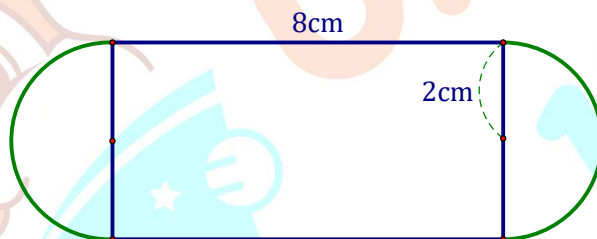
Diện tích của thửa ruộng là: $50 \times 25 : 2 = 625$ (m²).

b) Trên cả thửa ruộng người ta thu hoạch được số thóc là: $625 : 2 \times 1,2 = 375$ (kg)

Bán hết lượng thóc đó thì người ta thu được số tiền là: $14\,200 \times 375 = 5\,325\,000$ (đồng)

Đáp số: a) 625m²; b) 5 325 000 đồng.

Bài 4. (0,5 điểm) Tính chu vi và diện tích của hình dưới đây:



Trả lời:

Lời giải

Trả lời: Chu vi: 28,56cm ; Diện tích: 44,56cm².

Chu vi của hình tròn bán kính 2cm là: $2 \times 2 \times 3,14 = 12,56$ (cm)

Chu vi của hình đã cho là: $12,56 + 8 \times 2 = 28,56$ (cm)

Diện tích của hình tròn bán kính 2cm là: $2 \times 2 \times 3,14 = 12,56$ (cm²)

Chiều rộng của hình chữ nhật là: $2 \times 2 = 4$ (cm)

Diện tích của hình chữ nhật là: $4 \times 8 = 32$ (cm²)

Diện tích của hình đã cho là: $12,56 + 32 = 44,56$ (cm²)

ĐỀ SỐ 4

SÁCH KẾT NỐI TRI THỨC

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

Năm học: 2025 - 2026

Môn: Toán lớp 5

Thời gian làm bài: 40 phút

(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

Mỗi câu đúng được 0,5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	C	C	A	D	D	B	C	C

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. (2 điểm) Đặt tính rồi tính:

a) $54,3 + 21,97$

b) $702,4 - 96,08$

c) $2,54 \times 8,5$

d) $373,8 : 3,5$

Lời giải

a) $54,3 + 21,97 = 76,27$

b) $702,4 - 96,08 = 606,32$

c) $2,54 \times 8,5 = 21,59$

d) $373,8 : 3,5 = 106,8$

Bài 2. (1,5 điểm) a) Tìm x biết: $2,5 : x + 9,9 = 10$.

b) Tính bằng cách thuận tiện: $2,023 \times 451 + 550 \times 2,023 - 2,023$

Lời giải

a) $2,5 : x + 9,9 = 10$

$2,5 : x = 10 - 9,9$

$2,5 : x = 0,1$

$x = 2,5 : 0,1$

$x = 25$.

b) $2,023 \times 451 + 550 \times 2,023 - 2,023$

$= 2,023 \times (451 + 550 - 1)$

$= 2,023 \times 1000$

$= 2023$.

Bài 3. Một miếng đất hình thang có diện tích là $5,22 \text{ m}^2$, có chiều cao 18 dm, đáy nhỏ bằng 26 dm. Hỏi đáy lớn của miếng đất dài bao nhiêu mét?

Lời giải

Đổi: $18\text{dm} = 1,8\text{m}$; $26\text{dm} = 2,6\text{m}$

Tổng độ dài hai đáy của miếng đất hình thang là: $5,22 \times 2 : 1,8 = 5,8 \text{ (m)}$

Đáy lớn của miếng đất hình thang là: $5,8 - 2,6 = 3,2 \text{ (m)}$

Đáp số: 3,2 m

Bài 4. (0,5 điểm) Bánh xe bé của một máy kéo có bán kính 0,5m, bánh xe lớn của máy kéo đó có bán kính 1 m. Hỏi khi bánh xe bé lăn được 10 vòng thì bánh xe lớn lăn được mấy vòng?

Trả lời:

Lời giải

Trả lời: Bánh xe lớn lăn được 5 vòng.

(Chu vi bánh xe bé là: $3,14 \times 2 \times 0,5 = 3,14$ (m))

Chu vi bánh xe lớn là: $3,14 \times 2 \times 1 = 6,28$ (m)

Bánh xe bé lăn 10 vòng được quãng đường là: $3,14 \times 10 = 31,4$ (m)

31,4 m cũng là quãng đường bánh xe lớn lăn được, do đó bánh xe lớn lăn được số vòng là:

$31,4 : 6,28 = 5$ (vòng))



ĐỀ SỐ 5

SÁCH CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

Năm học: 2025 - 2026

Môn: Toán lớp 5

Thời gian làm bài: 40 phút

(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

Mỗi câu đúng được 0,5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	C	A	A	C	B	D	A	D

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. (1,5 điểm)

a) Tính bằng cách thuận tiện: $20,25 \times 98,01 + 20,25 \times 1,99$

b) Tìm y, biết: $y + 1,87 = 50,5 : 2,5$

Lời giải

a) $20,25 \times 98,01 + 20,25 \times 1,99 = 20,25 \times (98,01 + 1,99) = 20,25 \times 100 = 2025$

b) $y + 1,87 = 50,5 : 2,5$

$$y + 1,87 = 20,2$$

$$y = 20,2 - 1,87$$

$$y = 18,33$$

Bài 2. (2 điểm) Điền dấu "> ; < ; =" thích hợp vào chỗ chấm:

a) $18,9 \times 0,01$ $18,9 : 100$

c) $35 \times 0,01$ $0,035 \times 100$

b) $245,86 \times 10$ $2,4586 : 0,001$

d) $9,78 : 0,001$ $97,8 : 100$

Lời giải

a) $18,9 \times 0,01 = 18,9 : 100$

c) $35 \times 0,01 < 0,035 \times 100$

b) $245,86 \times 10 = 2,4586 : 0,001$

d) $9,78 : 0,001 > 97,8 : 100$

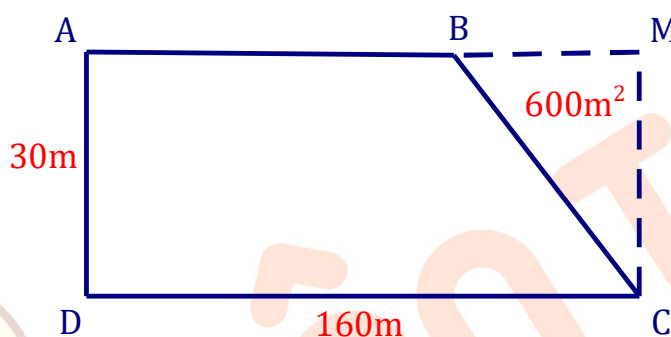
Bài 3. (2 điểm) Cô Lan trồng hoa trên một mảnh đất hình thang vuông có đáy lớn bằng 160m và chiều cao bằng 30m. Nếu mở rộng mảnh đất thành mảnh đất hình chữ nhật mà vẫn giữ nguyên đáy lớn thì diện tích mảnh đất tăng thêm 600m².

a) Tính diện tích mảnh đất khi chưa mở rộng.

b) Cô Lan bán được bao nhiêu tiền hoa trên mảnh đất hình thang vuông, biết rằng trung bình mỗi héc-ta hoa bán được 140 000 000 đồng.

Lời giải

Ta có hình minh họa như sau:



a) Độ dài đoạn BM là: $600 \times 2 : 30 = 40$ (m)

Đáy bé AB dài là: $160 - 40 = 120$ (m)

Diện tích của mảnh đất hình thang là: $(120 + 160) \times 30 : 2 = 4200$ (m²)

b) Đổi: $4200\text{m}^2 = 0,42\text{ha}$.

Số tiền cô Lan thu được trên thửa ruộng đó là: $0,42 \times 140\,000\,000 = 58\,800\,000$ (đồng)

Đáp số: a) 4200m²; b) 58 800 000 đồng.

Bài 4. (0,5 điểm) Thửa ruộng nhà ông An hình vuông. Trên bản đồ địa chính của xã vẽ theo tỉ lệ 1 : 2 000, ông tính được chu vi là 8cm. Hỏi trên thực tế diện tích thửa ruộng nhà ông An rộng bao nhiêu mét vuông?

Trả lời:

Lời giải

Trả lời: Diện tích thực tế thửa ruộng nhà ông An là: 1600m²

Trên bản đồ, độ dài cạnh của thửa ruộng nhà ông An là: $8 : 4 = 2$ (cm)

Trên thực tế, độ dài cạnh của thửa ruộng nhà ông An là: $2 \times 2\,000 = 4\,000$ (cm) = 40 (m)

Diện tích thửa ruộng thực tế nhà ông An là: $40 \times 40 = 1600$ (m²)

ĐỀ SỐ 6

SÁCH CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

Năm học: 2025 - 2026

Môn: Toán lớp 5

Thời gian làm bài: 40 phút

(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

Mỗi câu đúng được 0,5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	2 508 639	C	B	D	A	>	A	B

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. (2 điểm) Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

25 tấn 68 kg = tấn

7 l 620 ml = l

70 548 ha = km²

9 m 3 dm = m

Lời giải

$$25 \text{ tấn } 68 \text{ kg} = 25 \frac{68}{1\,000} \text{ tấn} = \mathbf{25,068} \text{ tấn}$$

$$7 \text{ l } 620 \text{ ml} = 7 \frac{620}{1\,000} \text{ l} = \mathbf{7,62} \text{ l}$$

$$70\,548 \text{ ha} = \frac{70\,548}{100} \text{ km}^2 = \mathbf{705,48} \text{ km}^2$$

$$9 \text{ m } 3 \text{ dm} = 9 \frac{3}{10} \text{ m} = \mathbf{9,3} \text{ m.}$$

Bài 2. (1,5 điểm) Ghép nối:

Diện tích hình tam giác có độ dài đáy là 12 cm, và chiều cao là 5 cm		52,5 cm ²
Diện tích hình tam giác có độ dài đáy là 15 cm, chiều cao là 7 cm		30 cm ²
Diện tích hình tam giác có độ dài đáy là 14 cm, chiều cao là: 10 cm		70 cm ²

Lời giải

+) Diện tích hình tam giác có độ dài đáy là 12cm, và chiều cao là 5 cm: $\frac{12 \times 5}{2} = 30 \text{ (cm}^2\text{)}$

+) Diện tích hình tam giác có độ dài đáy là 15 cm, chiều cao là 7 cm: $\frac{15 \times 7}{2} = 52,5 \text{ (cm}^2\text{)}$

+) Diện tích hình tam giác có độ dài đáy là 14 cm, chiều cao là 10 cm: $\frac{14 \times 10}{2} = 70 \text{ (cm}^2\text{)}$

Vậy kết quả nối đúng là:

Diện tích hình tam giác có độ dài đáy là 12 cm, và chiều cao là 5 cm		52,5 cm ²
Diện tích hình tam giác có độ dài đáy là 15 cm, chiều cao là 7 cm		30 cm ²
Diện tích hình tam giác có độ dài đáy là 14 cm, chiều cao là: 10 cm		70 cm ²

Bài 3. (2 điểm) Một sân vận động hình chữ nhật có chu vi 258 m, chiều rộng bằng $\frac{1}{2}$ chiều dài.

Tính diện tích sân vận động đó.

Lời giải

Nửa chu vi sân vận động là: $258 : 2 = 129$ (m).

Vì chiều rộng bằng $\frac{1}{2}$ chiều dài nên coi chiều rộng là 1 phần thì chiều dài là 2 phần như thế.

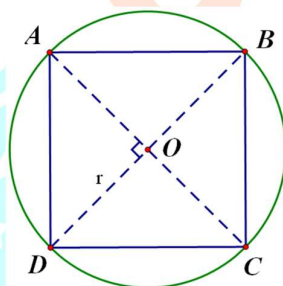
Chiều dài sân vận động là: $129 : (1 + 2) \times 2 = 86$ (m).

Chiều rộng sân vận động là: $129 - 86 = 43$ (m).

Diện tích sân vận động hình chữ nhật là: $86 \times 43 = 3698$ (m²).

Đáp số: 3698 m².

Bài 4. (0,5 điểm) Diện tích hình vuông ABCD là 8 cm². Tính diện tích hình tròn.



Trả lời:

Lời giải

Trả lời: Diện tích hình tròn là 12,56 cm²

(Diện tích tam giác ADO = $\frac{1}{4}$ diện tích ABCD (Vì hình vuông ABCD được tạo bởi 4 hình tam giác bằng nhau (cùng bằng diện tích tam giác ADO)).

Diện tích tam giác ADO là: $8 : 4 = 2$ (cm²)

Gọi r là bán kính của hình tròn, ta lại có:

Diện tích của hình tam giác ADO là: $r \times r : 2 = 2$ (cm²)

Vậy $r \times r = 2 \times 2 = 4$ (cm²)

Diện tích hình tròn là: $3,14 \times r \times r = 3,14 \times 4 = 12,56$ (cm²).)